

Số 113-QĐ/HVCTKV IV

Cần Thơ, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

về việc công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản công năm 2025 tại
Học viện Chính trị khu vực IV

Căn cứ Quyết định số 838-QĐ/HVCTQG ngày 06/3/2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính trị khu vực IV;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15; Luật số 24/2023/QH15; Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý sử dụng tài sản công năm 2025 của Học viện Chính trị khu vực IV theo các biểu mẫu sau:

- Công khai việc hình thành tài sản công tại Học viện Chính trị khu vực IV (theo mẫu số 04a-CK/TSC).
- Công khai tình hình sử dụng tài sản công tại Học viện Chính trị khu vực IV (theo mẫu số 04b-CK/TSC).
- Công khai tình hình xử lý tài sản công tại Học viện Chính trị khu vực IV (theo mẫu số 04c-CK/TSC).
- Công khai tình hình khai thác tài sản công tại Học viện Chính trị khu vực IV (theo mẫu số 04d-CK/TSC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kế hoạch – Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. §

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM,
- Website Học viện IV,
- Lưu: VT, Ban KH-TC.

GIÁM ĐỐC



Ngô Xuân Nghĩa



Cơ quan quản lý cấp trên: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Học viện Chính trị khu vực IV
Mã đơn vị: 049005
Loại hình đơn vị: Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam

Mẫu số 04a-CK/TSC

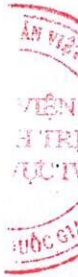
**CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV
NĂM 2025**

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm				10.856.065				
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp				8.910.627				
1.1	Đất								
	...								
1.2	Nhà				2.603.907				
1.2.1	Ký túc xá Hậu Giang				1.727.446	Chỉ định thầu	Công ty TNHH thiết kế XD Hoàng Kim Phát		Cải tạo sửa chữa
1.2.2	Ký túc xá 01 (B4)				876.460	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Tư vấn XD TM Phạm Gia		Cải tạo sửa chữa
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác		1		6.306.721				
1.3.1	Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh		1		994.955		Tập thể các lớp Cao cấp lý luận chính trị tập trung K17A		Tặng cho
1.3.2	Cổng, hàng rào khu B				612.512	Đấu thầu rộng rãi	Công ty TNHH Khởi Tiến		Cải tạo sửa chữa
1.3.3	Hạ tầng Nhà Hành chính - Hiệu bộ				4.699.254				
2	Xe ô tô								
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh								
								



Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung								
	...								
2.3	Xe ô tô chuyên dùng								
	...								
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước								
	...								
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)								
	...								
4	Máy móc, thiết bị		51		1.945.438				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh		6		89.860				
4.1.1	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-01	Bộ	1	Dell	14.960	Mua sắm tập trung	Công ty TNHH Thương mại Trần Đức		
4.1.2	Máy tính xách tay Dell Pro 14 PC14250-01	Cái	1	Dell	14.980				
4.1.3	Máy tính xách tay Dell Pro 14 PC14250-02	Cái	1	Dell	14.980				
4.1.4	Máy tính xách tay Dell Pro 14 PC14250-03	Cái	1	Dell	14.980				
4.1.5	Máy tính xách tay Dell Pro 14 PC14250-04	Cái	1	Dell	14.980				
4.1.6	Máy tính xách tay Dell Pro 14 PC14250-05	Cái	1	Dell	14.980				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung		45		1.855.578				
4.2.1	Máy chủ: Dell PowerEdge R760xs (12x3.5")	Cái	1	Dell	107.500	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Thiết bị Khải Anh		
4.2.2	Máy ảnh Canon EOS R8	Cái	1	Canon	35.900				
4.2.3	Đầu ghi hình camera Ký túc xá A1: Đầu ghi hình IP 64 kênh Hikvision DS-9664NI-M8.	Cái	1	Hikvision	98.000				
4.2.4	Máy scan: Fujitsu SP1120 (PA03708-B001)	Cái	1	Fujitsu	12.400				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.2.5	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-02	Bộ	1	Dell	14.960	Mua sắm tập trung	Công ty TNHH Thương mại Trần Đức		
4.2.6	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-03	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.7	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-04	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.8	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-05	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.9	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-06	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.10	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-07	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.11	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-08	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.12	Máy tính để bàn Dell Pro Slim QCS1250/Màn hình Dell Pro 24 - E2425HM-09	Bộ	1	Dell	14.960				
4.2.13	Máy in A3 HP LaserJet MFP M440n	Cái	1	HP	14.000				

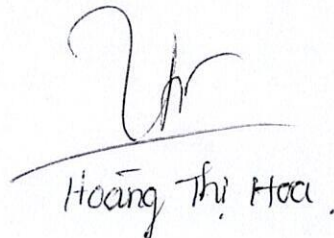


Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.2.14	Hệ thống trình chiếu và âm thanh phòng hội nghị 150 chỗ	Hệ thống	1		278.535	Chào hàng cạnh tranh	Công ty TNHH P&N		
4.2.15	Hệ thống trình chiếu và âm thanh phòng điều hành Nhà HC-HB	Hệ thống	1		182.844				
4.2.16	Hệ thống trình chiếu phòng họp số 1 Nhà HC-HB	Hệ thống	1		84.672				
4.2.17	Hệ thống trình chiếu và âm thanh phòng học 2.07 Khu phòng học 2	Hệ thống	1		145.451				
4.2.18	Hệ thống âm thanh phòng học 1.03 - Khu phòng học 2	Hệ thống	1		56.898				
4.2.19	Hệ thống trình chiếu phòng học 1.06 - Khu phòng học 2	Hệ thống	1		89.571				
4.2.20	Hệ thống trình chiếu phòng học 1.07 - Khu phòng học 2	Hệ thống	1		89.571				
4.2.21	Hệ thống trình chiếu phòng học 1.08 - Khu phòng học 2	Hệ thống	1		89.571				
4.2.22	Hệ thống trình chiếu phòng học 1.09 - Khu phòng học 2	Hệ thống	1		89.571				
4.2.23	Hệ thống trình chiếu phòng học 1.10 - Khu phòng học 2	Hệ thống	1		89.571				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.2.24	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-01	Bộ	1	Misubishi	11.495	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Thiết bị Văn phòng Nam Phương		
4.2.25	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-02	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.26	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-03	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.27	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-04	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.28	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-05	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.29	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-06	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.30	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-07	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.31	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-08	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.32	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-09	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.33	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-10	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.34	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-11	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.35	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-12	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.36	Máy lạnh Misubishi Heavy Inverter 1.5 HP-SRC13YZP-W5-13	Bộ	1	Misubishi	11.495				
4.2.37	Tivi Samsung 4K Crystal UHD 55 inch UA55U8500F-01	Cái	1	Samsung	13.600				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)								
	...								
II	Tài sản giao mới		2		2.820.903				
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT - Xây dựng mô hình quản trị thông minh	Hệ thống	1		1.992.808		Ban QLDA XD mô hình quản trị thông minh tại Học viện CTQG HCM		
2	Hệ thống truyền hình trực tuyến - Xây dựng mô hình quản trị thông minh	Hệ thống	1		828.095				
III	Tài sản đi thuê								
	...								
IV	Tài sản nhận điều chuyển								
	...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)


Hoàng Thị Hoa

Ngày 27 tháng 02 năm 2026
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Ngô Tuấn Nghĩa

Cơ quan quản lý cấp trên: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Mẫu số 04b-CK/TSC

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Học viện Chính trị khu vực IV

Mã đơn vị: 049005

Loại hình đơn vị: Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV NĂM 2025

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp									
1.1	Đất	129.220		577.399.020	577.399.020					
	Quyền sử dụng đất (thửa đất số 246, 380,391)	129.220	m ²	577.399.020	577.399.020	x				
1.2	Nhà	28.952		240.334.667	193.612.167					
	Ký túc xá 5 tầng (Ký túc xá A3)	2.840	m ²	26.158.358	24.588.857	x				
	Nhà Hành chính - Hiệu bộ	7.075	m ²	69.529.494	65.363.198	x				
	Khu phòng học 2	6.144	m ²	43.039.216	32.968.694	x				
	Ký túc xá A1	2.090	m ²	24.708.048	18.842.970	x				
	Ký túc xá A2	2.590	m ²	23.204.244	18.560.041	x				
	Nhà ăn học viên	2.964	m ²	26.685.742	23.483.453	x				
	Hội trường 1 (B1)	284	m ²	2.107.938	638.005	x				
	Hội trường 2 (B2)	284	m ²	2.107.938	638.005	x				
	Hội trường 3 (B3)	284	m ²	2.277.162	775.482	x				
	Hội trường 4 (B4)	284	m ²	2.277.162	775.482	x				
	Ký túc xá 01 (B4)	638	m ²	4.029.432	1.475.265	x				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Ký túc xá 02 (B6)	638	m ²	3.226.003	689.863	x				
	Nhà xe	456	m ²	976.914	171.221	x				
	Hội trường III (B5)	195	m ²	1.365.386	393.062	x				
	Ký túc xá Hậu Giang	1.110	m ²	6.762.527	3.662.900	x				
	Nhà để xe khu A	502	m ²	525.563	280.178	x				
	Nhà để xe khu B	462	m ²	455.125	242.627	x				
	Nhà đặt máy phát điện 300KVA	50	m ²	117.924	62.865	x				
	Chốt bảo vệ 01 khu A	19	m ²	231.721	0	x				
	Chốt bảo vệ 02 khu A	12	m ²	159.283	0	x				
	Chốt bảo vệ 01 khu B	19	m ²	231.757	0	x				
	Chốt bảo vệ 02 khu B	12	m ²	157.732	0	x				
1.3	<i>Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác</i>	13		42.423.654	12.092.377					
	Cổng, hàng rào khu A	1		5.577.568	0	x				
	Cổng, hàng rào khu B	1		6.434.025	429.537	x				
	Đường nội bộ	1		6.000.120	0	x				
	Bó vỉa đường nội bộ, hệ thống thoát nước mưa, nước thải và lát sân nền khối hội trường 4 x 100 chỗ	1		4.113.230	0	x				
	Trạm biến áp 22/0,5KV-560KVA	1		2.838.581	0	x				
	Trạm cấp nước	1		533.511	0	x				
	Trạm biến áp 22/0,4KV-560KVA	1		880.084	0	x				
	Lắp đặt tuyến đường ống cấp nước ở khu A Học viện	1		162.208	16.221	x				
	Đường nội bộ	1		3.161.542	1.580.771	x				
	Hạ tầng Ký túc xá 5 tầng (Ký túc xá A3)	1		2.388.165	1.677.856	x				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Hạ tầng Nhà Hành chính - Hiệu bộ	1		9.286.983	7.450.388	x				
	Biển hiệu HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV	1		52.682	42.146	x				
	Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	1		994.955	895.460	x				
2	Xe ô tô	4		3.371.959	1.577.441					
2.1	<i>Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh</i>									
2.2	<i>Xe ô tô phục vụ công tác chung</i>									
	Xe ô tô Ford Transit 16 chỗ Biển số 65A-00460	1		863.940	402.942	x				
	Xe ô tô TOYOTA INNOVA TGN 40L Biển số 65A - 00531	1		803.205	535.336	x				
	Xe ô tô TOYOTA Cross Biển số 65A - 00621	1		799.054	639.163	x				
2.3	<i>Xe ô tô chuyên dùng</i>									
	Xe ô tô HYUNAI COUNTY HMK29B, Biển số 65E - 1141	1		905.760	0	x				
2.4	<i>Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước</i>									
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
	...									
4	Máy móc, thiết bị	854		37.959.121	14.096.148					
4.1	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh</i>	<i>107</i>		<i>1.547.979</i>	<i>394.578</i>					
	Máy vi tính để bàn	49		719.183	92.818	x				
	Máy tính xách tay	45		669.050	286.660	x				
	Bàn, ghế làm việc các loại	10		123.596	15.100	x				
	Bàn ghế họp, tiếp khách	3		36.150	0	x				
4.2	<i>Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung</i>	<i>747</i>		<i>36.411.142</i>	<i>13.701.570</i>					
	Máy vi tính để bàn	13		199.913	102.727	x				
	Máy tính xách tay	2		29.700	11.880	x				

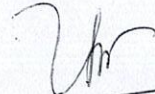
SÂN V
C VI
INH T
U VU
TRIQ

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Máy in các loại (A4, A3, in kim, in bằng)	8		98.983	19.936	x				
	Máy Scanner và Máy Quét mã vạch	7		83.670	24.320	x				
	Máy photocopy	5		446.085	54.000	x				
	Lưu điện, ổn áp UPS	2		46.800	0	x				
	Tủ, tủ hồ sơ, tủ tài liệu các đơn vị	3		34.900	15.563	x				
	Kệ sắt đựng tài liệu	1		26.704	0	x				
	Kệ sách thư viện	5		161.691	0	x				
	Bục diễn thuyết, hệ thống tiêu âm Nhà B7	6		558.493	143.737	x				
	Bàn ghế họp, bàn uống nước giảng viên	42		1.191.314	674.999	x				
	Điều hòa các loại	397		6.638.183	3.020.094	x				
	Máy chiếu	4		148.493	0	x				
	Máy uống nước nóng lạnh	23		508.300	258.980	x				
	Ti vi, đầu video, các loại đầu thu phát tín hiệu khác	47		3.336.061	1.336.488	x				
	Máy quay phim	1		16.200	0	x				
	Máy chụp ảnh, ống kính	2		70.600	28.720	x				
	Thiết bị âm thanh	31		901.514	216.575	x				
	Thiết bị mạng và truyền thông	40		2.566.416	624.481	x				
	Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ quản lý - điều hành và thực hiện nhiệm vụ của HVCTQG HCM	1		1.731.862	0	x				
	Hệ thống truyền hình trực tuyến	1		767.264	153.453	x				
	Cầu truyền hình và mạng Wan	1		1.008.370	0	x				
	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật CNTT - Xây dựng mô hình quản trị thông minh	1		1.992.808	1.594.246	x				
	Hệ thống truyền hình trực tuyến - Xây dựng mô hình quản trị thông minh	1		828.095	662.476	x				
	Thiết bị truyền dẫn (đường dây hạ thế)	1		1.359.314	0	x				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Camera giám sát	32		2.179.872	276.455	x				
	Thang máy	6		4.479.204	2.419.952	x				
	Máy bơm	10		222.875	112.993	x				
	Phòng cháy Chữa cháy	20		1.534.506	928.059	x				
	Tủ lạnh	2		86.574	34.630	x				
	Máy giặt	6		96.519	0	x				
	Máy phát điện các loại và phụ kiện	2		1.379.271	0	x				
	Máy móc thiết bị khác	24		1.680.590	986.806	x				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng									
									
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	1		298.568	194.069					
	Cây xanh Nhà Hành chính - Hiệu bộ	1		298.568	194.069	x				
6	Tài sản cố định đặc thù									
	...									
7	Tài sản cố định hữu hình khác									
	...									
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	9		188.860	18.000					
	Phần mềm ứng dụng	9		188.860	18.000	x				
	Tổng số			901.975.848	798.989.222					

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)


Hoàng Thị Hoa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2026
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngô Xuân Nghĩa



Cơ quan quản lý cấp trên: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Học viện Chính trị khu vực IV
 Mã đơn vị: 049005
 Loại hình đơn vị: Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam

Mẫu số 04c-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV
 NĂM 2025**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	295.062		79.578												
1.1	Đất															
1.2	Nhà	295.062		79.578												
	Nhà ăn	295.062		79.578							Tháo dỡ để thực hiện dự án	Đã hoàn thành tháo dỡ để thực hiện dự án				
1.3	Vật kiến trúc, Công trình xây dựng khác															
2	Xe ô tô															
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh															
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung															
2.3	Xe ô tô chuyên dùng															
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước															
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)															



STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú		
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
	Máy vi tính xách tay 2018-01	11.935		0				x						15.050	11.630			
	Máy vi tính xách tay 2018-02	11.935		0				x										
	Máy tính xách tay Dell Vostro 3480-02	15.000		0				x										
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	717.927						x										
	Máy vi tính Mekong I3-4130-03	10.373		0				x										
	Máy tính xách tay Dell Vostro 3480-01	15.000		0				x										
	Máy in A3 (HP LaserJet MFP M436n)-01	10.878		0				x										
	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 1501L	57.000		0				x										
	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 2001L	27.244		0				x										
	Máy photocopy Ricoh Aficio MP 1813L	32.756		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-01	16.436		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-02	16.436		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-03	16.436		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-04	16.436		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-05	12.000		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-06	12.000		0				x										
	Máy lạnh Toshiba 2HP-07	12.000		0				x										
	Máy uống nóng lạnh Alaska	10.000		0				x										
	Máy uống nóng lạnh Alaska	10.000		0				x										
	Máy uống nóng lạnh Alaska	10.000		0				x										
	Máy uống nóng lạnh Alaska	10.000		0				x										
	Máy uống nóng lạnh Alaska	10.000		0				x										
	Tivi Samsung 65inch UA65NU7100KXXV-01	33.600		0				x										



STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tivi Samsung 65inch UA65NU7100KXXV-02	33.600		0				x								
	Tivi Samsung 65inch UA65NU7100KXXV-03	33.600		0				x								
	Tivi Samsung 65 inch 65MU6100-01	32.500		0				x								
	Tivi Samsung 65 inch 65MU6100-02	32.500		0				x								
	Tivi Samsung 65 inch 65MU6100-03	32.500		0				x								
	Tivi Samsung 65 inch 65MU6100-04	32.500		0				x								
	Tivi Samsung 65 inch 65MU6100-05	32.500		0				x								
	Máy chụp ảnh KTS 2018 (SONI A6000) và ống Kính Sony E PZ 18-105mm f/4 GOSS	27.300		0				x								
	Máy chủ server IBM x 3500 M3	49.883		0				x								
	Đầu ghi hình camera IP 16 kênh Panasonic WJ-NX300K/G	72.449		0				x								
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng															
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm															
6	Tài sản cố định đặc thù															
7	Tài sản cố định hữu hình khác															
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)															

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Uhr
Hoàng Thị Hoa

Ngày 27 tháng 02 năm 2026
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
GIÁM ĐỐC
Ngô Luận Nghĩa

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Cơ quan quản lý cấp trên: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Học viện Chính trị khu vực IV
 Mã đơn vị: 049005
 Loại hình đơn vị: Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam

Mẫu số 04d-CK/TSC

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠİ HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV
 NĂM 2025**

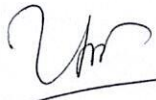
ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp													858.100	332.737	85.810	439.553
1.1	Đất																
1.2	Nhà													858.100	332.737	85.810	439.553
	Nhà ăn học viên	1	2.964	26.685.742	24.550.882	2.964	Tổ chức khác thực hiện							140.000	0	14.000	126.000
	Hội trường, phòng nghỉ KTX													627.320	332.737	62.732	231.851
	Tiền giữ xe													90.780		9.078	81.702
1.3	Vật kiến trúc, Công trình xây dựng khác																
2	Xe ô tô																
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh																
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung																
2.3	Xe ô tô chuyên dùng																
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước																
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)																
4	Máy móc, thiết bị																
3.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh																



Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
...																	
3.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung																
...																	
3.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
...																	
4	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm																
...																	
5	Tài sản cố định đặc thù																
...																	
6	Tài sản cố định hữu hình khác																
...																	
7	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)																
.....																	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)


Hoàng Thị Hoa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)



Ngô Tuấn Nghĩa